

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 93/2020/HNGĐ-ST
Ngày 03-7-2020
V/v ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Hồ Điệp.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Vũ Thị Minh Nguyệt

Ông Nguyễn Huy Vĩnh

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thu Trang - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

Ngày 03 tháng 7 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 85/2020/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 5 năm 2020 về việc ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 117/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 6 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Đinh Thị Thu Q, sinh năm 1997.

Nơi ĐKKHKT: Xã Yên Khánh, huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định. Hiện trú tại: Xã Ngũ Lão, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng, vắng mặt.

2. Bị đơn: Anh Kim S, quốc tịch: Hàn Quốc

Nơi cư trú: 1382 Myeonmok-dong Jungruang-gu Seal metroporitan, Hàn Quốc, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn, các bản tự khai trong quá trình giải quyết vụ án chị Đinh Thị Thu Q trình bày:

Chị và anh Kim S quen biết nhau và đã tổ chức đính hôn tại thành phố Hải Phòng. Sau đó anh Kim S trở về Hàn Quốc. Một thời gian sau, anh Kim S trở lại Việt Nam làm thủ tục đăng ký kết hôn với chị Đinh Thị Thu Q tại Ủy ban nhân dân thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định vào ngày 13 tháng 8 năm 2019. Chị Đinh Thị Thu Q làm thủ tục xin visa tại Đại sứ quán Hàn Quốc thì không thành công do anh Kim S không đủ điều kiện để bảo lãnh cho chị Q sang Hàn Quốc. Từ đó đến nay chị

và anh Kim S không gặp lại nhau, không còn quan tâm yêu thương nhau, không còn liên lạc với nhau. Nay thấy tình cảm vợ chồng không còn, không còn khả năng đoàn tụ, nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Kim S.

Về con chung: Chị và anh Kim S không có con chung.

Về tài sản chung: Anh chị không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai của anh Kim S có hợp pháp hóa lãnh sự trình bày:

Anh và chị Đinh Thị Thu Q kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định. Sau khi kết hôn, anh trở lại Hàn Quốc và gửi hồ sơ về cho chị Q xin visa. Do anh lương thấp, trốn thuế, nợ ngân hàng, nợ xấu bảo hiểm nên Đại sứ quán Hàn Quốc tại Việt Nam không cấp visa cho chị Q. Kể từ đó anh và chị Q thường xảy ra mâu thuẫn, hay tranh cãi nhau nên anh chị dần ít liên lạc với nhau. Nay chị Q làm đơn xin ly hôn với anh, anh cũng nhất trí đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng giải quyết cho anh chị được ly hôn.

Về con chung: Anh và chị Đinh Thị Thu Q không có con chung, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Anh chị không có tài sản chung, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thẩm quyền: Chị Đinh Thị Thu Q làm đơn yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng giải quyết việc ly hôn với anh Kim S. Anh Kim S hiện đang cư trú tại Hàn Quốc. Theo quy định tại khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37, điểm b khoản 1 Điều 39, Điều 469, Điều 470 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

[2] Chị Đinh Thị Thu Q và anh Kim S vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã có ý kiến yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Đinh Thị Thu Q và anh Kim S kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn ngày 13 tháng 8 năm 2019 tại Ủy ban nhân dân thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định. Theo quy định tại Điều 8, Điều 9 của Luật Hôn nhân và Gia đình là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

[4] Chị Đinh Thị Thu Q và anh Kim S xác định không còn tình cảm và yêu thương nhau và không còn khả năng đoàn tụ. Hiện anh Kim S sinh sống và làm việc tại Hàn Quốc còn chị Đinh Thị Thu Q ở Việt Nam. Hai người không chung sống

với nhau từ tháng 8 năm 2019 đến nay, hai người đều thừa nhận là họ thường xuyên tranh cãi, mâu thuẫn, nên hiện không còn liên lạc gì với nhau, không còn quan tâm yêu thương nhau. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị Đinh Thị Thu Q và anh Kim S đã đến mức trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Việc chị Đinh Thị Thu Q và anh Kim S cùng thuận tình ly hôn là tự nguyện, phù hợp quy định tại Điều 55 của Luật Hôn nhân và Gia đình nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Đinh Thị Thu Q và anh Kim S theo quy định khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

[5] Về con chung: Anh chị không có con chung, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

[6] Về tài sản chung: Anh chị không có, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Đinh Thị Thu Q phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 51, Điều 55 và Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 273, Điều 469, Điều 470, khoản 2 Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Đinh Thị Thu Q và anh Kim S được ly hôn.

2. Về nuôi con chung và tài sản chung: Chị Đinh Thị Thu Q và anh Kim S không có con chung và tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Đinh Thị Thu Q phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, nhưng được trừ 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí Tòa án số AA/2016/8590 ngày 18 tháng 5 năm 2020 tại Cục Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng. Chị Đinh Thị Thu Q đã nộp đủ tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo:

Chị Đinh Thị Thu Q có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Anh Kim S được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

5. Về quyền yêu cầu thi hành án: Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi bổ sung năm 2014, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:

- VKSND TP Hải Phòng;
- Cục THADS TP Hải Phòng;
- UBND thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định;
- Đường sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Đặng Hồ Điệp